

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án hình sự sơ thẩm
Số: 11 /2019/HSST
Ngày: 31/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bảo Toàn – Phó Hiệu trưởng trường THPT Lê Trung Kiên và ông Nguyễn Giáo Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn T – sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn M – sinh năm 1947 (chết) và bà: Trần Thị K – sinh năm 1953; tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 02/6/2008, Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa tuyên phạt 01 năm tù về tội Chống người thi hành công vụ, chấp hành xong ngày 18/6/2009. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Bị hại:** Em X – sinh ngày 27/4/2002;
Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên.
Nơi tạm trú: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Phú Yên.

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Bà H – sinh năm 1964 (là mẹ đẻ);
Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên.
Nơi tạm trú: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Phú Yên.

*** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Ông N, Luật sư – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà K – sinh năm 1953;
Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên.

Tất cả đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ tình cảm yêu thương trước đó nên vào tháng 6/2015 (không xác định được ngày), Nguyễn T và em X (sinh ngày 27/4/2002) dẫn vào nhà nghỉ n Đ ở khu phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Yên, để giao cấu với nhau (tại thời điểm này X được 13 tuổi 02 tháng 03 ngày tuổi). Sau đó, T và X tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với nhau nhiều lần trước ngày 27/4/2018 (trước khi X đủ 16 tuổi) tại nhà nghỉ Đ, nhà nghỉ H ở khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Phú Yên và tại nhà của X ở thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Phú Yên. Hậu quả làm X có thai. Ngày 09/5/2018, gia đình X và T tổ chức đám cưới cho T và X. Ngày 01/11/2018, X sinh một bé trai.

Theo Bản kết luận giám định pháp y số 991/C09C (Đ5) ngày 28/12/2018 của phân viện khoa học hình sự thành phố Đ kết luận: cháu bé trai mà X sinh là con của X và T.

Về dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường 70.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Bị cáo T đã bồi thường 12.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSDH ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố bị cáo T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn xin Tòa xử mức án thấp, để bị cáo có điều kiện lao động giúp đỡ gia đình và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của bị hại là 58.000.000đ và tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Chấp nhận sự tự nguyện bị cáo T tiếp tục bồi thường cho bị hại X số tiền 58.000.000 đồng và cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2,000.000đ; về hình phạt: đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Trong thời gian từ tháng 6/2015 đến trước ngày 27/4/2018 bị cáo Nguyễn T đã có hành vi giao cấu nhiều lần với X (sinh ngày 27/4/2002) hậu quả làm X có thai, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 18 đến 24 tháng tù thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại X số tiền 58.000.000đ và tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đều là chứng cứ hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 6/2015 đến trước ngày 27/4/2018, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Yên, Nguyễn T đã có hành vi nhiều lần giao cấu với X (sinh ngày 27/4/2002 – từ lúc X được 13 năm 02 tháng 03 ngày tuổi đến trước khi X đủ 16 tuổi) làm X có thai.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa truy tố là có căn cứ.

Bị cáo là người đã đủ 18 tuổi đủ điều kiện nhận thức về hành vi nhưng đã thực hiện hành vi giao cấu với em X khi em chưa đủ 16 tuổi. Mặc dù được sự đồng ý của bị hại nhưng em X đang ở độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi, nhận thức chưa đầy đủ về hành vi tình dục, giới tính và tác hại của việc sinh hoạt tình dục quá sớm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi, gây tác hại đến sự phát triển đạo đức, nhân cách và ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại. Vì vậy, đối với bị cáo, phải xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần cũng do giữa bị cáo và bị hại có tình cảm yêu thương nam nữ, X tự nguyện đồng ý giao cấu nhiều lần với bị cáo. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại X 12.000.000 đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

Về dân sự: Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận theo yêu cầu của bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo chấp nhận tiếp tục bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại số tiền 58.000.000 đồng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên T mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ lúc X sinh con

01/11/2018 cho đến khi có một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn T** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự 2015, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; bị cáo phải bồi thường cho bị hại X 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), được trừ 12.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn phải tiếp tục bồi thường 58.000.000 đồng (*Năm mươi tám triệu đồng*).

Bị cáo Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi cháu T là con chung của bị cáo và bị hại 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng từ khi X sinh con 01/11/2018 cho đến khi có một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con và 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền tiếp tục bồi thường.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đông Hoà;
- THA DS huyện Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp;.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Hoan

